

HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TỈNH NINH BÌNH

Ngô Văn Hoàng*, Trần Hương Giang**, Nguyễn Mạnh Hiếu***

Ngày nhận: 18/9/2015

Ngày nhận bản sửa: 20/11/2015

Ngày duyệt đăng: 25/12/2015

Tóm tắt:

Nghiên cứu cho thấy, toàn tỉnh Ninh Bình hiện nay còn 63,87% số xã hiện chưa đạt tiêu chí môi trường, 24,6% hộ gia đình chưa có đủ 3 công trình phụ đạt tiêu chuẩn, 12% người dân nông thôn chưa được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, tình trạng ô nhiễm môi trường nông thôn vẫn đang diễn ra và có biểu hiện ngày một trầm trọng hơn... Chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường hiện nay chưa xem xét đến đặc thù riêng của từng địa phương trong tỉnh, hầu hết định mức hỗ trợ được đánh giá là chưa phù hợp với điều kiện thực tế triển khai... Từ kết quả khảo sát, nghiên cứu đề xuất bốn nhóm giải pháp i) Bổ sung chính sách hỗ trợ các tiêu chí thành phần của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; ii) Điều chỉnh định mức hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt; iii) Điều chỉnh định mức hỗ trợ xây dựng công trình và mua xe vận chuyển thu gom, xử lý chất thải, nước thải phù hợp với quy mô dân số của từng xã, thôn. iv) Quan tâm đến việc thực hiện đồng bộ các nội dung khác trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng đến hệ thống giao thông, thủy lợi.

Từ khóa: chính sách, tiêu chí môi trường, nông thôn mới.

Completing the supporting policies for the implementation of environmental criteria in the new “rural development” program in Ninh Binh province

Abstract

The research results indicate that 63.87 percent of the communes in Ninh Binh province have not achieved environmental criteria; 24.6 percent of the households have not met the requirement of three standard complementary facilities; 12 percent of residents in rural area access unqualified water; pollution is becoming more serious. Based on the research results, the study proposes four solutions: i) Adding policies to support environmental criteria in the “new rural development” program; ii) Changing the level of support for water supply projects in accordance with the provisions of the State; iii) Changing the support level for infrastructure construction and purchase of transport vehicles to collect and treat waste and wastewater in line with the population size of each commune/village; iv) Implementation of all the other contents of the “new rural development” program, with priority for the transport system and irrigation.

Keywords: policies, environmental criteria, new rural development program.

1. Đặt vấn đề

Từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình đã có nhiều nỗ lực trong thực hiện tiêu chí môi trường. Điều này đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2012) cụ thể hóa, cụ

thể là tập trung vào hỗ trợ giải quyết vấn đề nước sạch nông thôn, xử lý rác thải, nước thải và hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất kinh doanh gây ô nhiễm. Những cơ chế hỗ trợ tích cực trên đã góp phần không nhỏ trong việc triển khai thực hiện tiêu chí môi trường ở

các địa phương trên địa bàn tỉnh (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình, 2014).

Tuy nhiên, môi trường là tiêu chí hầu hết các xã, huyện trên địa bàn tỉnh đều gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện. Hiện tại, toàn tỉnh mới chỉ có 36,13% tổng số xã trên địa bàn tỉnh đạt tiêu chí môi trường. Ở nhiều địa phương trong tỉnh, hệ thống thu gom rác thải nông thôn tuy đã được đầu tư nhưng hoạt động kém hiệu quả hoặc không thể hoạt động, khiến tình trạng người dân vứt rác thải sinh hoạt ra đường làng, ngõ xóm vẫn đang diễn ra và ngày càng có xu hướng trầm trọng hơn.

Vậy, chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường ở tỉnh Ninh Bình hiện nay có những tồn tại, bất cập như thế nào, những giải pháp nào cần được thực hiện để hoàn thiện chính sách này cho giai đoạn tiếp theo? Xuất phát từ những vấn đề trên, bài viết này tập trung phân tích thực trạng và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường ở tỉnh Ninh Bình từ đó góp phần tăng cường thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng chủ yếu nguồn số liệu thứ cấp từ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình. Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng thu

thập các thông tin sơ cấp ở 3 huyện Nho Quan, Yên Khánh và Kim Sơn. Ở mỗi huyện, nghiên cứu lựa chọn 5 xã theo phương pháp chọn điểm ngẫu nhiên phân tầng.

Các thông tin sơ cấp được thu thập thông qua khảo sát 5 cán bộ cấp huyện, ở mỗi xã khảo sát 20 hộ dân và 5 cán bộ xã, ở mỗi thôn phỏng vấn 1 cán bộ thôn nhằm thu thập những nhận định, đánh giá của các đối tượng về chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường ở địa phương. Như vậy, số tổng số lượng mẫu khảo sát bao gồm: 45 cán bộ huyện, 75 cán bộ cấp xã, 175 cán bộ thôn và 300 hộ dân. Từ những nguồn thông tin thu thập được, nhằm phản ánh thực trạng thực hiện tiêu chí môi trường, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường ở tỉnh Ninh Bình

Để triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2012) đã cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ. Đối với tiêu chí môi trường, chính sách hướng vào hỗ trợ 3 lĩnh vực chủ yếu để thực hiện, bao gồm: i) Nước sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh; ii) Thu gom và xử lý chất thải, nước thải; và iii) Di dời cơ sở sản xuất

Bảng 1: Nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng NTM ở Ninh Bình

TT	Nội dung hỗ trợ	Định mức hỗ trợ	Ghi chú
1	Công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh	90% tổng dự toán công trình	Bao gồm cả vốn chương trình MTQG nước sạch & VSMTNT, MTQG xây dựng nông thôn mới, ngân sách tỉnh và các nguồn huy động khác.
2	Thu gom và xử lý chất thải, nước thải		
	- Hệ thống thoát nước, thu gom nước thải cấp thôn	30% tổng dự toán công trình/ thôn	Tối đa không quá 50 triệu VND/1 công trình
	- Xe vận chuyển thu gom rác thải	3 triệu VND/xe/1 thôn	Đối với những xã có mật độ dân cư đông.
	- Bãi tập kết rác thải sinh hoạt	100 triệu VND /1 công trình	Quy mô tối thiểu 120m ² , có tường bao; mỗi xã từ 01-02 điểm
3	Hỗ trợ cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp có máy móc thiết bị trong sản xuất gây ô nhiễm môi trường, di dời vào điểm sản xuất tập trung của xã	Hỗ trợ 50 VND đồng/cơ sở	Theo quy hoạch được duyệt

Nguồn: Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình năm 2012

Bảng 2: Đánh giá về số lượng nội dung được hỗ trợ nhằm thực hiện tiêu chí môi trường của tỉnh Ninh Bình

	Cán bộ huyện	Cán bộ xã	Cán bộ thôn	Người dân
Nhiều	4,44	0	0	0
Hợp lý	40,00	30,67	16,00	16,67
Ít	53,33	61,33	67,43	62,00
Không rõ	2,22	8,00	16,57	21,33

Nguồn: Tổng hợp điều tra, năm 2014

tiểu thủ công nghiệp có máy móc thiết bị trong sản xuất gây ô nhiễm môi trường vào điểm sản xuất tập trung.

Như vậy có thể thấy, chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường của tỉnh hiện nay còn ít so với nhu cầu thực tế triển khai. Nếu căn cứ vào bộ tiêu chí nông thôn mới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (2009b) thì hiện tại trong xây dựng nông thôn mới Ninh Bình chưa có chính sách hỗ trợ thực hiện 2 tiêu chí thành phần còn lại đó là: i) Không có các hoạt động gây suy giảm môi trường và có các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp; và ii) Nghĩa trang được xây dựng theo quy hoạch.

Kết quả khảo sát chỉ ra rằng sự thiếu hụt trong chính sách dành cho thực hiện tiêu chí môi trường cũng được cán bộ, người dân cấp cơ sở quan tâm. Theo đó, có tới 67,43% cán bộ thôn, 62,67% người dân, 61,33% cán bộ xã và trên 53,33% cán bộ huyện được khảo sát cho rằng số nội dung được hỗ trợ trong chính sách ở tỉnh còn ít, trong khi ý kiến cho rằng hợp lý chủ yếu tập trung ở nhóm cán bộ huyện, xã với tỷ lệ đánh giá lần lượt là 40% và 30,67%. Hầu như không có đánh giá nội dung hỗ trợ trong chính sách ở mức nhiều (Bảng 2).

Xét về định mức trong chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường cho thấy, một số định mức hỗ trợ chưa thực sự ăn khớp với định mức của Nhà nước. Bên cạnh đó, hầu hết định mức cho từng lĩnh vực được hỗ trợ hiện chưa phù hợp với điều kiện thực tế triển khai. Cụ thể như sau:

3.1.1. Đối với hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt

Thủ tướng Chính phủ (2009a) đã đưa ra một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn. Định mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước theo tổng dự toán của dự án như sau: Không quá 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ; Không quá 60% đối với vùng đồng

bằng, vùng duyên hải; Không quá 75% đối với các vùng nông thôn khác; Không quá 90% đối với các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, xã biên giới. Tuy nhiên, theo chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí này trong chương trình xây dựng nông thôn mới thì các dự án này ở Ninh Bình được hỗ trợ 90% tổng dự toán. Như vậy, có thể thấy định mức hỗ trợ cho tiêu chí công trình cấp nước sinh hoạt ở Ninh Bình hiện nay là tương đối cao so với chính sách chung. Bên cạnh đó, định mức nói trên không tính đến sự khác biệt giữa các vùng đặc thù trong tỉnh (vùng núi, ven biển, đồng bằng).

3.1.2. Đối với hỗ trợ thực hiện tiêu chí thu gom xử lý nước thải, chất thải

Thực tế cho thấy, do quy mô dân số ở từng thôn/xã khác nhau sẽ dẫn đến lượng rác thải sinh hoạt sẽ rất khác nhau. Điều đó có nghĩa rằng, quy mô bãi tập kết và lượng xe vận chuyển thu gom rác cũng cần tính toán đến mức đảm nhiệm khối lượng rác thải theo quy mô dân số. Tuy nhiên, với chính sách hỗ trợ 100 triệu đồng/công trình xây dựng bãi tập kết rác thải ở tỉnh hiện nay (hỗ trợ cố định 100 triệu/công trình) chưa thực sự phù hợp với điều kiện thực tế khi thôn/xã có quy mô dân số và lượng rác thải sinh hoạt lớn cũng chỉ được nhận hỗ trợ như những thôn có quy mô dân số và lượng rác thải ít.

Để thấy rõ hơn sự phù hợp của chính sách trong thực hiện các tiêu chí môi trường ở Ninh Bình, nghiên cứu tiến hành khảo sát, lấy ý kiến về sự phù hợp về 3 nội dung được hỗ trợ theo từng vùng khảo sát.

Theo cơ chế hiện hành, thì những huyện miền núi như Nho Quan sẽ được hưởng lợi từ cơ chế hỗ trợ nhiều hơn so với các huyện đồng bằng và ven biển như Yên Khánh, Kim Sơn do mật độ dân số thấp, trong khi số lượng thôn/xã lớn. Đây cũng là lý do giải thích tỷ lệ người dân đánh giá định mức hỗ trợ tiêu chí thu gom xử lý nước thải, chất thải là phù hợp

Bảng 3: Đánh giá của người dân về sự phù hợp của mức hỗ trợ thực hiện tiêu chí thu gom xử lý nước thải, chất thải

Diễn giải	Hỗ trợ hệ thống thoát, thu gom nước thải			Hỗ trợ xe vận chuyển rác thải			Bãi tập kết rác thải		
	Nho Quan	Yên Khánh	Kim Sơn	Nho Quan	Yên Khánh	Kim Sơn	Nho Quan	Yên Khánh	Kim Sơn
Phù hợp	43,48	39,13	34,78	56,52	34,78	30,43	60,87	34,78	34,78
Thấp	47,83	52,17	52,17	21,74	34,78	30,43	30,43	60,87	60,87
Cao	0	0	0	21,74	21,74	30,43	8,70	0	0
Không trả lời	8,70	8,70	13,04	0	8,70	8,70	0	4,35	4,35

Nguồn: Tổng hợp điều tra, năm 2014

ở Nho Quan cao hơn các huyện còn lại (Bảng 3).

Tình trạng có xe vận chuyển và có bãi tập kết rác do tình hỗ trợ xây dựng nhưng không thể sử dụng được đang diễn ra ở một số địa phương. Nguyên nhân dẫn tới điều này là do chưa có hệ thống đường giao thông gắn với các bãi thu gom rác khiến xe vận chuyển rác không thể vào chuyên chở rác đi xử lý do đó tình trạng ô nhiễm môi trường càng trở nên nặng hơn. Điều này dẫn tới một số khu tập kết rác phải ngưng hoạt động, không cho tập kết rác. Như vậy, có thể thấy, *chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường chưa tính đến hệ thống hạ tầng kèm theo.*

3.2. Kết quả thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình

Nhìn chung, việc thực hiện chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường ở Ninh Bình đã bước đầu đạt được những kết quả quan trọng. Đến hết năm 2013, Ninh Bình đã có 43 xã đạt tiêu chí môi trường, chiếm 36,13% trong tổng số 119 xã trên địa bàn tỉnh (Bảng 4).

Kết quả chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường trong nghiên cứu này được thể hiện ở hai nhóm kết quả cơ bản: i) Nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường; và ii) Kết quả thực hiện các tiêu chí thành phần.

3.2.1. Nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường và chính sách thực hiện

Nhận thức của người dân sẽ quyết định đến chất lượng môi trường sống của chính họ cũng như của cộng đồng (Nguyễn Mậu Thái & cộng sự, 2014). Nhằm nâng cao nhận thức của người dân về chương trình nông thôn mới, trong quá trình triển khai thực hiện chương trình đến nay, Ninh Bình đã dựng 6.556 pa nô, áp phích, băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền; biên tập và phát sóng hơn 2.840 tin bài trên sóng truyền hình, phát thanh và truyền thanh (trong đó: 800 tin bài trên sóng truyền hình, 378 tin bài trên sóng phát thanh, 230 tin bài trên báo Ninh Bình, cấp huyện và xã là 1.432 tin bài); biên soạn, cấp phát trên 16.232 bộ tài liệu, băng đĩa và tổ khoảng 3.800 hội nghị với trên 232.000 người tham gia... (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình, 2014). Những hoạt động đó cũng đã tác động tích cực đến nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới.

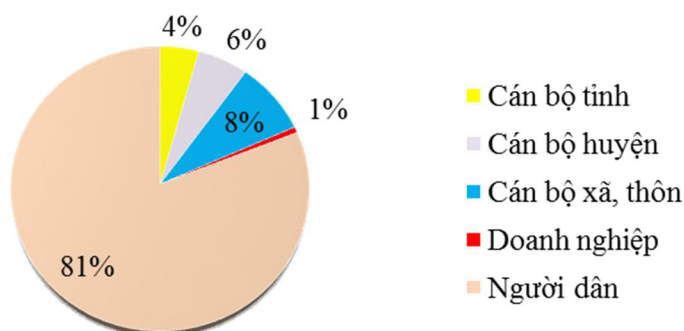
Nhận thức của người dân về tiêu chí môi trường thể hiện ở mức độ đánh giá về vai trò của các đối tượng trong thực hiện tiêu chí môi trường ở địa phương, nghiên cứu đặt câu hỏi "*Khi triển khai thực hiện tiêu chí môi trường, ai là người có vai trò quyết định?*" Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 81% ý kiến

Bảng 4: Tổng hợp số xã đạt tiêu chí về môi trường tính đến hết tháng 9/2014

Diễn giải		Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
		Số xã đạt	Số lượng (xã)	3
	Tỷ lệ (%)	2,52	3,36	36,13
Số xã chưa đạt	Số lượng (xã)	116	115	76
	Tỷ lệ (%)	97,48	96,64	63,87

Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Ninh Bình, năm 2014.

Hình 1. Đánh giá của người dân về đối tượng có vai trò quyết định khi thực hiện tiêu chí môi trường



Nguồn: Tổng hợp điều tra, năm 2014

cho rằng chính người dân có vai trò quyết định khi thực hiện tiêu chí môi trường ở địa phương (Hình 1). Điều này chỉ ra rằng người dân đã quan tâm và nhận thức rõ hơn về vai trò của mình trong thực hiện tiêu chí môi trường ở địa phương. Tuy nhiên, những thông tin về cơ chế, chính sách của Nhà nước, của tỉnh đến được với người dân còn rất hạn chế.

Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, tỷ lệ người dân được biết về cơ chế, chính sách khi thực hiện tiêu chí môi trường là rất thấp (13%), trong khi đó cũng có tới 21,33% người dân không quan tâm đến vấn đề này. Ngay bản thân cán bộ cấp xã, cấp thôn cũng ít hoặc không quan tâm đến nội dung chính sách này khi thực hiện. Điều này thể hiện ở chỗ có tới 32% cán bộ xã, 54,29% cán bộ thôn không biết về cơ chế, chính sách để thực hiện tiêu chí môi trường, con số này đối với đối tượng là cán bộ huyện là 20%. Có thể nói đây là một lỗ hổng lớn dẫn tới thực hiện tiêu chí môi trường ở tỉnh hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa thực sự hiệu quả.

Như vậy có thể thấy, công tác tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh tuy thường xuyên nhưng còn mang tính chung chung, chưa cụ thể đến từng nội dung thực hiện tiêu chí. Do đó, khiến ngay cả đội ngũ cán bộ cấp cơ sở và người dân cũng rất khó nắm bắt cơ chế và cách thức thực hiện. Điều này là nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng lúng

túng trong quá trình thực hiện tiêu chí môi trường. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng chậm tiến độ hoàn thành tiêu chí môi trường ở một số địa phương trong tỉnh.

3.2.2. Kết quả thực hiện nội dung tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới

Tiêu chí nước sạch: Đây là tiêu chí được Ninh Bình thực hiện một cách quyết liệt trong thời gian qua, thông qua chính sách hỗ trợ 90% tổng dự toán công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh. Từ khi triển khai chương trình nông thôn mới, cùng với các chính sách hỗ trợ, tiêu chí nước sạch đã đạt được những kết quả khả quan. Đến cuối năm 2013, toàn tỉnh Ninh Bình đã xây dựng, nâng cấp thêm 39 công trình nước sạch với tổng kinh phí đầu tư là 342 tỷ đồng, đã đưa vào sử dụng 29 công trình. Như vậy trên địa bàn nông thôn tỉnh đã có tổng cộng 112 công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung. Kết quả trên đã góp phần nâng cao tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo tiêu chuẩn. Cụ thể, năm 2010 Ninh Bình có 82,5% người dân sống ở khu vực nông thôn được sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh (trong đó, có trên 45% được sử dụng nước sạch từ công trình cấp nước tập trung), đến 2013 tỷ lệ này đã tăng lên là 88%.

Tiêu chí công trình vệ sinh: Công trình vệ sinh trong các hộ gia đình ở khu vực nông thôn tỉnh đã

Bảng 5: Nhận thức của các đối tượng về cơ chế, chính sách khi thực hiện tiêu chí môi trường

Chỉ tiêu	Cán bộ huyện	Cán bộ xã	Cán bộ thôn	Người dân
Biết	77,78	60,00	29,14	13,00
Không biết	20,00	32,00	54,29	65,67
Không quan tâm	2,22	8,00	16,57	21,33

Nguồn: Tổng hợp điều tra, năm 2014

Bảng 6. Kết quả thực hiện tiêu chí nước sạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo chuẩn	%	82,5	83,7	86,4	88
Số công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung được xây dựng có hoạt động	Công trình	73	75	75	112

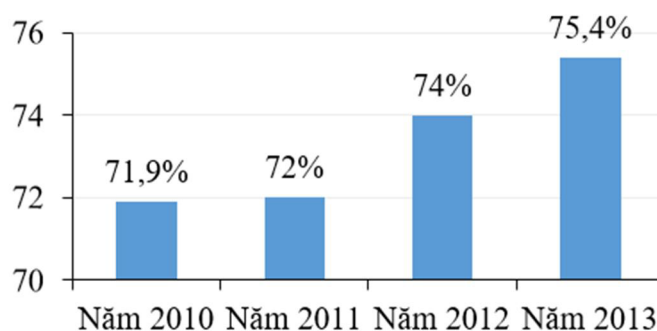
Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình (2014).

có sự thay đổi khá lớn kể từ khi triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới ở Ninh Bình. Năm 2010, Ninh Bình đã có tỷ lệ hộ gia đình đã có cả 3 công trình (Nhà tiêu, nhà tắm và hệ thống cấp nước sạch) hợp vệ sinh là 71,9%, trong khi đó tính đến năm 2011 cả nước cũng mới chỉ có khoảng 40 - 60% (Nguyễn Thị Hiền Oanh, 2011) và đến năm 2013 con số này ở Ninh Bình đã tăng lên 75,4% (Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình, 2014). Kết quả này cho thấy nhận thức của người dân nông thôn Ninh Bình về công tác vệ sinh môi trường đang dần tốt hơn. Một bộ phận hộ gia đình chưa có đầy đủ 3 công trình là do nhà tiêu không đủ tiêu chuẩn và thường tập trung ở nhóm hộ có điều kiện kinh tế khó khăn, có tập quán canh tác dựa vào việc sử dụng nguồn phân trong sản xuất nông nghiệp.

Tiêu chí quản lý, thu gom xử lý chất thải, nước thải ở khu vực nông thôn: Năm 2012 toàn tỉnh chỉ có 2 xã có tổ hợp tác môi trường, cả hai đều giáp danh với khu công nghiệp lớn (Khu công nghiệp Gián Khẩu). Đến năm 2013, số xã có tổ hợp tác cũng chỉ tăng thêm được 2 xã. Tuy nhiên, tổng số tổ tham gia hoạt động thu gom rác thải đã tăng từ 15 tổ (năm 2010) lên 38 tổ năm 2013. Tuy nhiên, hiện chưa có hợp tác xã nào trên địa bàn nông thôn tỉnh tham gia vào hoạt động này.

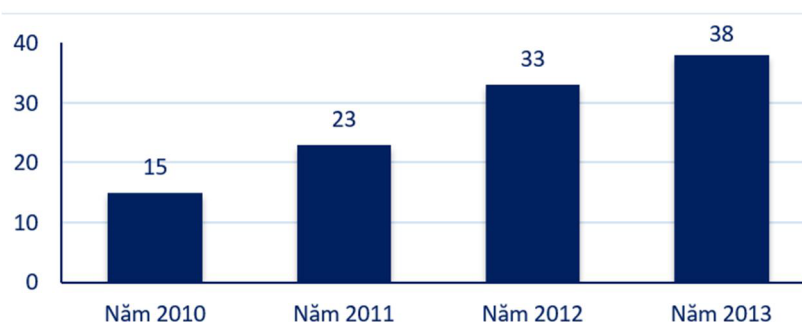
Theo chính sách hỗ trợ các hoạt động thu gom và xử lý chất thải trong chương trình xây dựng nông thôn mới. Trong những năm qua, Ninh Bình đã cải tạo được 102 bãi thu gom rác thải, hỗ trợ 1.189 xe chở rác cho các tổ thu gom, xây mới 182 cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt nhưng đại bộ phận rác thải được thu gom nhưng chưa được đưa đi xử lý tập trung, bên cạnh đó tình trạng vứt rác bừa bãi vẫn diễn ra ở một số địa phương khiến tình trạng môi trường nông thôn tỉnh đang dần trở nên trầm trọng hơn.

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường: Đây là một trong 5 tiêu chí thành phần của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới (Thủ tướng Chính phủ, 2009b). Tiêu chí này được thực hiện nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường của các hoạt động của quá trình phát triển các cơ sở kinh doanh ở khu vực nông thôn. Đây là một trong những tiêu chí thành phần rất khó thực hiện không chỉ Ninh Bình gặp phải. Do đó, kết quả thực hiện tiêu chí thành phần này trên địa bàn tỉnh khá khiêm tốn. Năm 2010 ở khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình chỉ có 1.309 cơ sở đạt (tương đương với 80,01%), giai đoạn 2011 - 2013 số cơ sở sản xuất, kinh doanh đã tăng thêm 503 cơ sở, đưa tổng số lên 2.139 cơ sở trong đó đạt tiêu chuẩn về môi trường là 1.711 cơ sở (tương đương với 80%). Cũng theo báo cáo của Sở Nông nghiệp và Phát

Hình 2. Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình theo tiêu chuẩn qua các năm

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình (2014).

Hình 3. Số tổ hợp tác môi trường ở khu vực nông thôn tỉnh Ninh Bình qua các năm



Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình (2014).

Bảng 7. Thực trạng các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn nông thôn tỉnh Ninh Bình

STT	Nội dung tiêu chí	2010 (Kỳ gốc)	Kết quả thực hiện			
			2011	2012	2013	Lũy kế đến năm 2013
1	Số cơ sở	1,636	351	19	133	503
	- Sản xuất tiêu thủ công nghiệp	876	246	13	0	259
	- Chế biến lương thực - thực phẩm	262	39	6	107	152
	- Chăn nuôi tập trung	498	66		26	92
2	Số cơ sở đạt chuẩn về môi trường	1,309	281	15	106	402
	- Sản xuất tiêu thủ công nghiệp	701	197	10	0	207
	- Chế biến lương thực - thực phẩm	210	31	5	86	122
	- Chăn nuôi tập trung	398	53	0	21	74

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình (2014).

triển nông thôn tỉnh, tỷ lệ chuồng trại chăn nuôi gia súc hợp vệ sinh (bể bioga) ở Ninh Bình đến năm 2013 còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở 38,3%.

Như vậy, số cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nông thôn tỉnh đang có xu hướng tăng lên, trong khi đó tỷ lệ cơ sở đạt tiêu chuẩn gần như không đổi. Điều đó đồng nghĩa với môi trường nông thôn sẽ phải gánh thêm các hoạt động suy giảm môi trường từ những cơ sở mới thành lập chưa đạt tiêu chuẩn môi trường. Kết quả nghiên cứu cho thấy, mặc dù tiêu chí thành phần này cũng được chính sách quan tâm thông qua việc hỗ trợ 50 triệu đồng/cơ sở có máy móc thiết bị trong sản xuất gây ô nhiễm môi trường, di dời vào điểm sản xuất tập trung của xã. Tuy nhiên, ở hầu hết các xã ở khu vực nông thôn tỉnh hiện nay chưa hình thành được điểm sản xuất tập trung của xã; di dời địa điểm sản xuất còn liên quan đến vấn đề đất đai, hạ tầng kỹ thuật,... Hơn thế nữa, hiện các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở nông thôn chưa tiếp cận được các văn bản hướng dẫn việc di dời và thủ tục hành chính có liên quan để được hưởng lợi từ chính sách.

Do đó, gần như chưa có cơ sở nào được tiếp cận với chính sách trên.

Tiêu chí quản lý nghĩa trang, nghĩa địa theo quy hoạch: Đây là tiêu chí cũng được các địa phương trong tỉnh quan tâm. Năm 2010 trên địa bàn nông thôn tỉnh, trong đó có 207/690 nghĩa trang (chiếm 30%) đã được quy hoạch và có quy chế quản lý (Trong đó, 25 xã điểm có 51/192 nghĩa trang có quy hoạch và có quy chế quản lý). Đến năm 2013 số nghĩa trang đạt tiêu chuẩn đã tăng thêm 102 nghĩa trang. Nghiên cứu nhận thấy, ở hầu hết những nghĩa trang, nghĩa địa còn lại đều gặp phải những khó khăn rất lớn để đạt chuẩn theo quy định do địa phương và người dân không có kinh phí để xây dựng mới, cải tạo và di dời mộ mã đến nơi tập trung, hoặc do tập quán chôn cất của người dân địa phương... Bởi vậy, có thể nhận thấy việc hỗ trợ công tác xây dựng, cải tạo nghĩa trang, nghĩa địa nhằm quy hoạch và quản lý là điều cần thiết. Tuy nhiên, tiêu chí thành phần này hiện nay chưa được chính sách quan tâm thỏa đáng.

3.3. Giải pháp hoàn thiện chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Ninh Bình

Thứ nhất, cần bổ sung nội dung hỗ trợ các tiêu chí thành phần của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Như đã phân tích ở trên, hiện tại Ninh Bình chỉ quan tâm đến 3 trong 5 tiêu chí thành phần của tiêu chí nông thôn mới. Do đó, để tạo đà cho quá trình thực hiện tiêu chí môi trường ở các địa phương, trong thời gian tới Ninh Bình cần sớm ban hành cơ chế hỗ trợ cho các tiêu chí thành phần còn lại, bao gồm: i) Hỗ trợ các hoạt động phát triển môi trường xanh, sạch, đẹp: Trong đó cần hỗ trợ các hoạt động như: nạo vét kênh mương, trồng cây xanh,... ii) Hỗ trợ các địa phương xây dựng nghĩa trang theo quy hoạch: Hỗ trợ xây tường bao, đường giao thông ra nghĩa trang, di dời mồ mả,...

Thứ hai, căn cứ vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ (2009a), cần xem xét điều chỉnh định mức hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt theo đặc thù của từng địa phương. Theo đó, định mức hỗ trợ công trình cấp nước nông thôn như sau:

- + Không quá 45% đối với vùng thị trấn, thị tứ;
- + Không quá 60% đối với vùng đồng bằng, vùng duyên hải;
- + Không quá 75% đối với các vùng nông thôn khác (miền núi);
- + Không quá 90% đối với các xã khó khăn, vùng dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển.

Thứ ba, các chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường cần xem xét đến tính đặc thù của các địa phương, căn cứ vào quy mô dân số cụ thể để xây dựng định mức hỗ trợ xây dựng công trình và mua xe vận chuyển thu gom, xử lý chất thải, nước thải phù hợp. Trong cơ chế hỗ trợ xây dựng bãi tập kết rác thải sinh hoạt, quy mô diện tích tường bao tối thiểu để được nhận hỗ trợ từ cơ chế và định mức hỗ trợ cũng cần điều chỉnh lại cho phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay. Khảo sát cho thấy định mức hỗ trợ cần thay đổi theo quy mô dân số từng xã cụ thể như sau:

- + Đối với những xã có quy mô dân số dưới 5.000 người: Hỗ trợ 100 triệu đồng/bãi rác thải với quy mô tối thiểu từ 120 m²;
- + Đối với những xã có quy mô dân số từ 5.000 – 10.000 người: Hỗ trợ 150 triệu đồng/bãi rác thải với quy mô tối thiểu từ 150 m²;
- + Đối với những xã có quy mô dân số trên 10.000

người: Hỗ trợ 200 triệu đồng/bãi rác thải với quy mô tối thiểu từ 200 m².

Thứ 4, trong quá trình triển khai thực hiện tiêu chí môi trường các địa phương cần quan tâm đến việc thực hiện đồng bộ với các nội dung khác trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng đến hệ thống giao thông, thủy lợi, hạ tầng phục vụ sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

4. Kết luận

Để thực hiện tiêu chí môi trường trong chương trình xây dựng nông thôn mới ở địa phương, Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình đã có chính sách hỗ trợ thực hiện, trong đó tập trung vào 3 lĩnh vực, bao gồm: i) Xây dựng công trình cung cấp nước sinh hoạt tập trung hợp vệ sinh; ii) Thu gom và xử lý chất thải, nước thải, và iii) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.

Công tác tuyên truyền về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã được triển khai sâu rộng, tuy nhiên các thông tin về cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường chưa cụ thể khiến người dân, cán bộ cơ sở lúng túng trong việc thực hiện. Bên cạnh đó, cơ chế hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường của tỉnh hiện nay còn nhiều bất cập như: số lượng các tiêu chí thành phần được hỗ trợ thực hiện còn ít (3/5 tiêu chí); Định mức hỗ trợ thực hiện tiêu chí môi trường chưa tính đến tính đặc thù của từng huyện, xã; Việc thực hiện tiêu chí môi trường chưa mang tính hệ thống, chưa thực sự khớp nối với các tiêu chí khác (giao thông, thủy lợi,...). Đó cũng là nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ các xã đạt tiêu chí này trên địa bàn tỉnh vẫn còn thấp, hiệu quả sử dụng các công trình môi trường chưa cao.

Để đáp ứng việc thực hiện tiêu chí môi trường trong giai đoạn tới, các giải pháp đưa ra là: i) Bổ sung chính sách hỗ trợ các tiêu chí thành phần của tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới; ii) Điều chỉnh định mức hỗ trợ công trình cấp nước sinh hoạt phù hợp với đặc thù của từng địa phương trong tỉnh; iii) Điều chỉnh định mức hỗ trợ xây dựng công trình và mua xe vận chuyển thu gom, xử lý chất thải, nước thải phù hợp với quy mô dân số của từng xã, thôn; iv) Quan tâm đến việc thực hiện đồng bộ với các nội dung khác trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng đến hệ thống giao thông, thủy lợi. □

Tài liệu tham khảo

- Nguyễn Thị Hiền Oanh (2011), ‘Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp - một giải pháp phát triển bền vững’, *Tạp chí Mặt trận*, số 95 (9/2011).
- Nguyễn Mậu Thái, Tô Tiến Dũng & Nguyễn Mậu Dũng (2014), ‘Đánh giá tình hình thực hiện tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội’, *Tạp chí Khoa học và Phát triển*, tập 12(II), 250 – 258.
- Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Ninh Bình (2014), *Báo cáo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 3 năm 2011-2013*, Ninh Bình.
- Thủ tướng Chính phủ (2009a), *Quyết định số 131/2009/QĐ-TTg về một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư và quản lý, khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn*, ban hành ngày 2 tháng 11 năm 2009.
- Thủ tướng Chính phủ (2009b), *Quyết định số 491/QĐ-TTg về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới*, ban hành ngày 16 tháng 4 năm 2009.
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Bình (2012), *Đề án xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2011-2015, định hướng đến năm 2020 (Đề án số 06/ĐA-UBND)*, ban hành ngày 4 tháng 4 năm 2012.

Thông tin tác giả:

***Ngô Văn Hoàng**, Thạc sỹ

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế môi trường, kinh tế và quản lý lao động, kinh tế nông nghiệp và chính sách, kinh tế tài nguyên
- Một số tạp chí tác giả đã đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *tạp chí Sinh thái*, *tạp chí Khoa học và Phát triển*
- Địa chỉ Email: hoangied.hua@gmail.com

&*Trần Hương Giang

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Địa chỉ Email: giangtran91@gmail.com

*****Nguyễn Mạnh Hiếu**

- Tổ chức tác giả công tác: Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- Địa chỉ Email: hieunguyenmanh90@gmail.com